CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

Số: 00317/2024/KQTN/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

14/05/2024

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG 2
3. **Địa chỉ** : Ấp Bà Phái, xã Long Xuyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
4. **Ngày lấy mẫu** : 07/05/2024
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
7. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn(1) (dBA)	Bụi(1) (mg/Nm^3)	NO_2(1) (mg/Nm^3)	SO_2(1) (mg/Nm^3)	CO(1) (mg/Nm^3)	H_2S(1) (mg/Nm^3)
Khu vực không khí khu vực cổng	62,4	0,21	0,059	0,061	5,77	KPH
QCVN 26:2010/BTNMT	**≤ 70**	-	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT	-	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915620 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT TP. THUẬN AN T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Dáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 00317/2024/KQTN/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

14/05/2024

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG 2
3. **Địa chỉ** : Ấp Bà Phái, xã Long Xuyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
4. **Ngày lấy mẫu** : 07/05/2024
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
7. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực chuồng trại	31,8	56,9	0,3	72,1	455
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	**≥ 300**
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**	-
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	H_2S (mg/m^3)
Khu vực chuồng trại	0,27	0,065	0,071	6,11	KPH
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**	**≤ 10**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	MASA 701

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- *QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc*
- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00317/2024/KQTN/24 14/05/2024

1 **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG 2
3 **Địa chỉ** : Ấp Bà Phái, xã Long Xuyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
4 **Ngày lấy mẫu** : 07/05/2024
5 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6 **Loại mẫu** : Nước thải
7 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 240507.34NT: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
8 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

9 **Kết quả đo đạc, phân tích:**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả 240507.34NT	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,6; Kf=1,2	Phương pháp đo đạc, phân tích
1.	pH[(1)]	-	7,20	6 - 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS[(1)(a)]	mg/L	57	36	TCVN 6625:2000
3.	COD[(1)]	mg/L	92	54	SMEWW 5220C:2023
4.	BOD_5[(1)]	mg/L	52	21,6	TCVN 6001–1:2021
5.	Amoni (NH_4^+_N)[(1)]	mg/L	3,11	3,6	TCVN 5988:1995
6.	Tổng Nitơ[(1)]	mg/L	19,5	14,4	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor[(1)]	mg/L	3,11	2,88	SMEWW 4500-P. B&E:2023
8.	Tổng dầu mỡ[(*)]	mg/L	1,7	3,6	SMEWW 5520B&F:2023
9.	Asen (As)[(1)]	mg/L	KPH MDL=0,0008	0,036	SMEWW 3113B:2023
10.	Chì (Pb)[(1)]	mg/L	KPH MDL=0,001	0,072	SMEWW 3113B:2023
11.	Ecoli[(*)]	MPN /100mL	$1,6x10^2$	-	TCVN 6187-2:1996
12.	Tổng Coliform[(1)]	MPN /100mL	$2,9x10^3$	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *[(a)] Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

Số: 00317/2024/KQTN/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

14/05/2024

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG 2
3. **Địa chỉ** : Ấp Bà Phái, xã Long Xuyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
4. **Ngày lấy mẫu** : 07/05/2024
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Nước ngầm
7. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 240507.34NN1: Nước ngầm tại giếng khoan số 1 của trại
   240507.34NN2: Nước ngầm tại giếng khoan số 2 của trại
8. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
   TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
   TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
   TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
   TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
9. **Kết quả đo đạc, phân tích :**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240507.34NN1	240507.34NN2		
1.	pH[(1)(a)]	-	6,70	6,75	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)[(1)]	mg/L	136	154	500	TCVN 6224:1996
3.	TSS[(1)]	mg/L	KPH MDL=2	KPH MDL=2	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni ($N_NH_4^+$)[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,01	KPH MDL=0,01	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)[(1)(a)]	mg/L	12,5	13,5	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrat ($N_NO_3^-$)[(1)]	mg/L	1,22	1,07	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
7.	Sulfat (SO_4^{2-})[(1)]	mg/L	15,9	16,5	400	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2023
8.	Sắt (Fe)[(1)(a)]	mg/L	0,74	0,69	5	TCVN 6177:1996
9.	Tổng Coliform[(1)]	MPN/ 100mL	KPH	KPH	3	SMEWW 9221B:2023
10	E. Coli[(1)]	MPN/ 100mL	KPH	KPH	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM | **GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 3702915820 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT - TP. BÌNH DƯƠNG

TRẦN THỊ THÙY NHUNG | **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

Được quét bằng CamScanner